TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2025/HSPT
Ngày: 04-9-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**

ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Chiến**, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên. Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 319/2025/TLPT-HS ngày 27 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Vũ Thị Khánh H về tội *"Mua bán người"*. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Vũ Thị Khánh H, sinh ngày 18/9/1999, tại: tỉnh Gia Lai. Nơi thường trú: 960 Q, tổ dân phố G, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Học vấn: 10/12. Giới tính: Nữ. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vũ Đình P, sinh năm 1970 và bà Lê Thị H1, sinh năm: 1977. Bị cáo sống chung như vợ chồng với anh Lê Hoàng S, sinh năm: 1999 (không đăng ký kết hôn và ly thân từ năm 2019), có 01 người con sinh năm 2018. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam và hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (trong vụ án khác). Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Văn T - Luật sư của Văn phòng L1, Đoàn Luật sư tỉnh G. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2018, Vũ Thị Khánh H từ Gia Lai ra Hà Nội làm nhân viên tại quán Karaoke và quen biết với 01 bạn nữ tên C1 (sinh năm 2002, quê

quán ở Lào Cai, chưa xác định được nhân thân lai lịch cụ thể). Cuối năm 2019, C1 sang Myanmar, đến đầu năm 2020, C1 liên lạc với H qua ứng dụng Zalo vào tài khoản của H là "Minn" và rủ H sang Myanmar làm nhân viên phục vụ cho quán Bar C2. Sau đó, C1 hướng dẫn H vượt biên từ Việt Nam sang Trung Quốc, rồi từ Trung Quốc sang Myanmar đến thành phố M - Đặc khu kinh tế Myanmar.

Trong thời gian làm việc tại thành phố M - Myanmar, H quen biết 01 người Trung Quốc tên Xiao B (T). Tiểu Bắc là quản lý và làm việc trong Công ty V2 do ông Kuai S1 (người Trung Quốc, tên thường gọi là Quái V) làm chủ. Đầu tháng 10/2022, Tiểu B1 nói H bỏ công việc tại Bar Club KTV sang làm việc cho Công ty V2 vì bên Công ty đang cần người phiên dịch tiếng Anh và trả lương từ 5.000 NDT đến 15.000 NDT/tháng. Nếu H đồng ý, Tiểu B1 sẽ nói với ông Kuai S1 để cho H làm việc, nghe vậy H đồng ý. Sau đó, H đến Công ty V2 gặp ông Kuai S1, tại đây ông Kuai S1 nói đang cần phiên dịch văn bản tiếng Anh cho Đội người Trung Quốc (Đội chuyên sử dụng mạng xã hội lừa đảo người khác tham gia sàn chứng khoán online để chiếm đoạt tài sản). H nói với Kuai S1 cho H về Việt Nam làm lại các giấy tờ và hộ chiếu hợp pháp, sau đó qua Công ty làm việc. Lúc này, ông Kuai S1 nói H, hiện Công ty đang cần nhiều người để làm việc, nếu H tìm kiếm người từ Việt Nam đưa sang Myanmar làm việc lừa đảo cho Công ty, ông Kuai S1 hứa cho H làm quản lý và phiên dịch của 01 Đội lừa đảo (khoảng 20-25 người), trả lương 5.000 NDT/tháng và 03% hoa hồng doanh số của Đội lừa đảo thu được/tháng. Các khoản chi phí và thủ tục đi lại như: Làm hộ chiếu, vé máy bay, ăn uống, thuê phòng khách sạn… cho những người bị lừa sang Myanmar, do ông Kuai S1 chi trả và chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng của H, cứ 01 người đi sẽ chi khoảng 45.000 NDT (tương đương khoảng 160 triệu đồng), số tiền dư còn lại H được hưởng, nếu thiếu sẽ bù lại theo thực tế (ông Kuai S1 chuyển tiền cho H thông qua số tài khoản tên T1 và Trần Trung N). Nghe vậy, H nảy sinh ý định tìm người quen đưa sang Myanmar chuyển giao cho ông Kuai S1 để hưởng lợi nên đồng ý theo thoả thuận của ông Kuai S1. Sau đó, H nhập cảnh trái phép về Việt Nam.

Khoảng đầu tháng 11/2022, H sử dụng ứng dụng Facebook và Z (tài khoản Facebook là "Vũ Khánh H" và tài khoản Z là "Minn") gọi điện, nhắn tin với Uông Thị H2 và Bùi Nhất T2 (đều là bạn của H, học cùng Trường trung học phổ thông L2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) hỏi về công việc, lương hàng tháng thế nào… Sau đó, H đưa ra thông tin gian dối rằng H cùng người yêu đang mở công ty M1 tại Myanmar, hiện công ty đang thiếu nhân viên (công việc là tư vấn và chăm sóc khách hàng, thời gian làm việc 8 giờ/ngày, lương trả 18.000.000 đồng/tháng. Vấn đề ăn uống và chỗ ở do công ty L3; tất cả thủ tục, chi phí làm hộ chiếu, vé máy bay, xuất cảnh... đều do H lo và chỉ chờ ngày bay sang Myanmar, nếu có bạn bè thì rủ để họ cùng đi vì công ty đang cần tuyển nhiều người.

Ban đầu, H2 từ chối nhưng H liên tục lôi kéo và nói có Vũ Thị Quỳnh T3 (sinh năm: 2000, là em gái của H) cũng đi sang Myanmar làm cùng, nên H2 tin tưởng và đồng ý. Sau đó, H2 kể lại nội dung trên và rủ bạn trai là Nguyễn Danh T4 cùng đi làm cho công ty của H tại Myanmar. T4 đồng ý và rủ bạn là Đặng Văn L cùng đi. Sau đó, T4 liên hệ với H qua ứng dụng Messenger để xác thực thông

tin việc làm, H cũng nói với T4 nội dung việc làm như trên nên T4 và L tin tưởng, đồng ý cùng đi.

Cũng với thủ đoạn trên, đầu tháng 11/2022, khi các anh Bùi Nhất T2 (là bạn học phổ thông với H) và Huỳnh Phương N1 đang làm thuê tại Bình Dương; các anh Nguyễn Đức N2 (sinh năm: 2001) và Nguyễn Như K (sinh năm: 2000, cùng trú: Tổ dân phố I, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) đang làm thuê trên tàu đánh bắt ốc hương tại tỉnh Bến Tre, thì H sử dụng ứng dụng Messenger nhắn tin, gọi điện dụ dỗ, lôi kéo T2, Huỳnh Phương N1, Nguyễn Đức N2 và Nguyễn Như K đi làm cho công ty M1 của H tại Myanmar, chủ yếu làm việc trên máy vi tính, chốt đơn hàng, trả lương từ 18.000.000 VNĐ/tháng; ăn uống, chỗ ở, chi phí đi lại, hộ chiếu, xuất cảnh do công ty của H lo, nếu có bạn thì rủ đi cùng, nên T2 và Phương N1 đồng ý. Sau đó, T2 rủ thêm bạn là Bùi Khắc H3 và H3 đồng ý. Nguyễn Đức N2 và Nguyễn Như K đang có việc làm tại tỉnh Bến Tre nên từ chối.

Trong khoảng thời gian này, H dụ dỗ, lừa gạt Võ Thị Minh T5 với thông tin H mới quen người yêu giàu có, làm công ty chứng khoán, mới mở cho H 01 công ty chuyên bán mỹ phẩm nên chưa có nhân viên. H nói T5 qua đó làm, chỉ đứng bán hàng, lương trả 18.000.000 đồng/tháng. T5 kể lại nội dung trên cho người yêu là Nguyễn Như P1 nghe và rủ P1 cùng đi làm với T5 để kiếm tiền tổ chức đám cưới, thì P1 đồng ý.

Từ đầu tháng 11/2022 đến ngày 05/12/2022, H đã yêu cầu các nạn nhân chụp ảnh căn cước công dân gửi cho H để làm hộ chiếu và H liên hệ người tên Nguyễn Thị T6, Bùi Thị N3 (đều chưa rõ nhân thân lai lịch) thông qua nhóm "Hội những người Việt tại Myanmar" để phục vụ việc đưa đón, đi lại, khách sạn ... tại Myanmar. Sau khi có hộ chiếu, H gọi điện nói các nạn nhân chuẩn bị tư trang, giấy tờ cá nhân để bay sang Myanmar làm việc và chia làm 02 đợt.

Đợt thứ nhất:

Ngày 16/11/2022, H gọi điện cho Bùi Khắc H3, H2, T2 đi máy bay và xe khách từ Gia Lai đến sân bay N - Hà Nội tập trung. Ngày 20/11/2022, Khắc H3, H2, T2 đến Sân bay N. Tại đây, các nạn nhân gặp H, T6 (em gái của H), Lê Đình H4 (em họ của H), T5 và P1. Sau đó, H đặt vé báy bay cho họ, bay từ Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh, rồi thuê trọ nghỉ ngơi chờ ngày xuất cảnh sang Myanmar. Bùi Khắc H3 do giấy tờ không hợp lệ, chưa xuất cảnh được nên H nói H3 đón xe về lại Gia Lai chờ đi đợt sau cùng những người khác.

Ngày 22/11/2022, H cùng T6, Lê Đình H4, H2, T2, T5, P1 ra sân bay T xuất cảnh sang YanGon - Myanmar. Đến nơi, H gọi điện cho người đón và bố trí các nạn nhân nghỉ lại khách sạn 03 ngày để chờ chuyến bay tiếp theo.

Ngày 25/11/2022, H đưa họ ra sân bay Y - Myanmar bay đến sân bay L - Myanmar. Khi đến nơi, H đã sắp xếp sẵn xe ô tô và thuê người đưa cả nhóm di chuyển đến đặc khu kinh tế MangKang - Myanmar. Đến nơi, H bảo đây là công ty của H và sắp xếp chỗ ăn ở, chờ làm việc. H nói tất cả đưa hộ chiếu để làm thủ tục và đóng V1 (nhưng H không trả lại). Sau đó, H lấy lý do công ty có chi nhánh bên Lào đang thiếu người nên nhóm H2, T2, T5, P1 phải sang bên đó làm việc.

Ngày 09/12/2022, H thuê xe ô tô chở H2, T2, T5, P1 đi bằng đường rừng vượt biên sang Lào đến đặc khu kinh tế tam giác vàng, tỉnh Bo Keo - Lào và đưa

các nạn nhân vào 01 căn nhà (do ông Lei G (ông S2) và A G1 (B) làm quản lý, có vai trò giống như ông Kuai S1), bố trí ăn ở, nghỉ ngơi chờ công việc.

Đợt thứ hai:

Ngày 18/12/2022, sau khi hoàn tất thủ tục hộ chiếu, H liên lạc với Bùi Khắc H3, Nguyễn Danh T4, Đặng Văn L và Huỳnh Phương N1 thông qua 01 nhóm 05 người trên ứng dụng Zalo do H làm trưởng nhóm để tiện liên lạc, trao đổi với 04 người trên đi sang Lào (vì lý do Công ty đã chuyển chi nhánh sang Lào). H hướng dẫn Khắc H3, T4, L, N1 đi từ Gia Lai và Quảng Bình ra khách sạn N4, Hà Nội (do H đặt trước) tập trung tại khách sạn nghỉ ngơi chờ lịch bay.

Chiều ngày 19/12/2022, 04 người được H đặt vé máy bay từ N đi đến V - Lào, sau đó chờ tại sân bay để H cho người đón chở vào đặc khu kinh tế tam giác vàng, tỉnh Bo Keo - Lào ở cùng với những người đã bị lừa sang Lào trước đó.

Sau khi đưa các nạn nhân sang Myanmar và Lào, H chuyển giao họ cho chủ Công ty V2 sử dụng (là Công ty T9 chuyên sử dụng mạng xã hội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác). Các nạn nhân bị khống chế, ký hợp đồng được soạn bằng tiếng Trung Quốc không rõ nội dung, điều khoản, nhằm đối phó với các cơ quan chức năng của Lào kiểm tra và đề phòng các nạn nhân bỏ trốn, tố cáo chính quyền… Hàng ngày bị kiểm soát, không được tự do đi lại trong khu vực ngoài công ty. Ép buộc làm việc sử dụng mạng xã hội tạo app, đưa ra kịch bản đã được dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt (nội dung gọi điện, lừa đảo người khác tham gia sàn chứng khoán, sàn vàng ảo, chủ yếu là người Việt Nam), thời gian làm việc từ 14-16 tiếng/ngày, công việc hoàn toàn trái ngược không như việc làm và lời nói ban đầu của H.

Trong thời gian ở tại công ty, H2, T2, Khắc H3, L, T4, Phương N1, T5, P1 và nhiều nạn nhân khác (ở các địa phương khác nhau) nhiều lần nói với H là không làm được chỉ tiêu giao và xin lại hộ chiếu để cho về Việt Nam. Nhưng, H không đưa hộ chiếu và nói nếu muốn về thì phải bồi thường tất cả chi phí mà H đã bỏ ra để đưa qua nước ngoài, mỗi tháng tính 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Vì không có tiền nên H2, T2, Khắc H3, L, T4 và nhiều nạn nhân khác buộc phải ở lại công ty, bị bóc lột sức lao động, làm việc trái ý muốn. Bị chủ công ty tìm cách khống chế, đe doạ, ép phải làm việc nếu không đạt chỉ tiêu do công ty giao thì sẽ không trả lương và bỏ đói. Khi các nạn nhân cố gắng làm đủ 06 tháng và xin về nước thì H nói các nạn nhân phải chuyển số tiền 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) sẽ được thả về (theo yêu cầu từ phía chủ công ty). H2, T2, H3, L, T4, Huỳnh Phương N1 gọi điện thoại cầu cứu gia đình, khiến các gia đình lo sợ bị ảnh hưởng đến tính mạng, sức khoẻ buộc phải nghe theo yêu cầu của các đối tượng, vay mượn tiền chuộc 210.000.000 đồng/người.

Khi các gia đình vay mượn đủ số tiền theo yêu cầu và liên hệ lại cho các cá nhân trên thì H đưa cho họ 03 số tài khoản ngân hàng khác nhau 6810056888, 0584114936 và 711183878300001 yêu cầu các gia đình chuyển tiền vào các tài khoản trên (do A G1 cung cấp), khi nào phía công ty nhận được tiền thì sẽ thả các nạn nhân về nước. Cụ thể:

- *Đối với* Bùi Khắc H3*:* Ngày 08/6/2023, chị Bùi Thị D (chị dâu của H3) chuyển tiền vào số tài khoản 0584114936 người thụ hưởng LUU BANG TAM, Ngân hàng S3 số tiền 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) thời gian giao

dịch là 16 giờ 11 phút, mã giao dịch 50052360C4WWS5JK. Sau khi nhận tiền, H đưa H3 ra khỏi công ty để H3 tự về qua Cửa khẩu T10, tỉnh Điện Biên. Ngày 12/6/2023, H3 về tới Hà Nội và đón xe về tỉnh Gia Lai.

- *Đối với* Uông Thị H2 *và* Nguyễn Danh T4*:* Ngày 16/6/2023, chị Phan Thị T7 (chị của H2) chuyển tiền 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) vào số tài khoản:6810056888, người thụ hưởng NGUYEN VAN CHUNG, (mã giao dịch 3699771471, thời gian giao dịch 15 giờ 34 phút). Gia đình T4 chuyển số tiền 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) vào số tài khoản 6810056888, người thụ hưởng NGUYEN VAN CHUNG (mã giao dịch 859032, thời gian giao dịch 16 giờ 06 phút). Sau khi nhận tiền, H đưa H2 và T4 ra cổng đặc khu Bo K1 - Lào, H2 và T4 đi xe từ đặc khu đến Cửa khẩu L4, tỉnh Quảng Trị về tỉnh Quảng Bình vào ngày 21/6/2023.

- *Đối với* Bùi Nhất T2 *và* Đặng Văn L*:* Ngày 06/7/2023, bà Võ Thị M (mẹ của T2) chuyển số tiền 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) vào tài khoản 711183878300001, người thụ hưởng DOAN VAN CHI LINH, số giao dịch 711DN0223187S0RG, thời gian giao dịch 09 giờ 04 phút. Bà Trần Thị H5 (Dì của L) chuyển số tiền 210.000.000 VNĐ vào số tài khoản: 711183878300001, người thụ hưởng: DOAN VAN CHI LINH, mã giao dịch 462294, thời gian giao dịch 09 giờ 13 phút. Sau khi nhận được tiền, H đưa ra cổng công ty để T2 và L tự đón xe về Việt Nam qua cửa khẩu L4, tỉnh Quảng Trị. Ngày 12/7/2023, cả hai về tới nhà an toàn.

- *Đối với* Huỳnh Phương N1*:* Do hoàn cảnh gia đình khó khăn và không vay được tiền nên ở lại làm. Giữa tháng 7/2023, vào khoảng 02 giờ, lợi dụng sự mất cảnh giác của bảo vệ, N1 và H6 (quê ở Thanh Hoá) bàn nhau bỏ trốn khỏi Công ty, trèo từ tầng 4 xuống tầng 1, Nam bị trượt chân ngã bị đau nên không chạy được, bị lực lượng bảo vệ phía Công ty bắt được và đánh đập giao lại cho chủ Công ty giam giữ riêng 01 phòng, thu giữ điện thoại di động. Còn H6 chạy thoát được. Sau đó, N1 van xin H nói với Công ty xem xét hoàn cảnh gia đình của N1 quá khó khăn, mẹ bị bệnh nặng mà giảm tiền chuộc, thì họ đồng ý với số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). H đưa tài khoản số 19071020943012, Ngân hàng T11, người thụ hưởng TU LE NGA và yêu cầu chuyển tiền. Ngày 09/9/2023, chị Huỳnh Thị Bích T8 (chị gái N1) chuyển số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vào tài khoản trên, bút toán FT23252549006627, thời gian giao dịch 14 giờ 49 phút. Sau khi nhận tiền, H đưa N1 ra khỏi công ty để N1 tự về Việt Nam qua Cửa khẩu T10, tỉnh Điện Biên.

- *Đối với* Võ Thị Minh T5 *và* Nguyễn Như P1*:* Do gia đình có hoàn cảnh quá khó khăn, không có tiền chuộc, bản thân T5 bị bệnh u ngực phải đi cấp cứu, mổ nên không đảm bảo sức khỏe làm việc, không đạt chỉ tiêu, từ đó T5 không chịu được áp lực, căng thẳng và nhiều lần muốn nhảy lầu tự tử, nhưng được P1 phát hiện khuyên can. Sau đó, giữa P1 và T5 bàn bạc, quan hệ để T5 có thai với P1, rồi lấy lý do có thai yêu cầu Công ty cho T5 về Việt Nam, P1 sẽ chấp nhận ở lại Công ty làm việc trả nợ thay cho T5. Đến tháng 8/2023, T5 xác định đã có thai và báo với Công ty đã đồng ý cho về Việt Nam. Còn P1 ở lại tiếp tục làm việc, lừa đảo theo yêu cầu của Công ty. Đến ngày 25/01/2024, P1 bị Cơ quan Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ phối hợp với Bộ C3 Lào bắt quả tang khi đang sử dụng

không gian mạng lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thu lợi bất chính cho Công ty T12, tỉnh Bokeo - Lào.

Các nạn nhân, sau khi về được Việt Nam an toàn, đã làm đơn, kèm theo các tài liệu, chứng cứ liên quan gửi đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh G tố cáo Vũ Thị Khánh H có hành vi lừa gạt họ sang Myanmar và Lào, sau đó chuyển giao cho công ty do người Trung Quốc làm chủ, sử dụng phục vụ việc lừa đảo, bóc lột sức lao động, đòi tiền chuộc.

Vật chứng thu giữ: Không.

Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại Uông Thị H2, Bùi Nhất T2, Bùi Khắc H3, Đặng Văn L, Nguyễn Danh T4 yêu cầu bị cáo Vũ Thị Khánh H trả lại cho mỗi bị hại số tiền là 210.000.000đ. Ngoài ra, các bị hại yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật.

Bị hại Huỳnh Phương N1 yêu cầu bị cáo Vũ Thị Khánh H bồi thường số tiền 50.000.000đ và tiền tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật.

Các bị hại Võ Thị Minh T5 và Nguyễn Như P1 yêu cầu bị cáo Vũ Thị Khánh H bồi thường tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật.

Đến nay, bị cáo Vũ Thị Khánh H chưa bồi thường gì cho các bị hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm đ khoản 3 Điều 150; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Khánh H phạm tội *"Mua bán người"*.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Khánh H 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, bị cáo Vũ Thị Khánh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Vũ Thị Khánh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa và lời khai nhận tội của bị cáo Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

[1] Theo các tài liệu chứng cứ thu thập, lời khai bị cáo, lời khai các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa thì có cơ sở khẳng định:

Trong thời gian làm việc tại thành phố M - Myanmar, H quen biết 01 người Trung Quốc tên Xiao B (T) làm việc trong Công ty V2 do ông Kuai S1 (người Trung Quốc, tên thường gọi là Quái V) làm chủ. Tiểu B1 và Kuai S1 nói H đang cần phiên dịch văn bản tiếng Anh cho Đội người Trung Quốc chuyên sử dụng

mạng xã hội lừa đảo người khác tham gia sàn chứng khoán online để chiếm đoạt tài sản. Kuai S1 hứa cho H làm quản lý và phiên dịch của 01 Đội lừa đảo (khoảng 20-25 người), trả lương 5.000 NDT/tháng và 03% hoa hồng doanh số của Đội lừa đảo thu được/tháng. Các khoản chi phí và thủ tục đi lại như: Làm hộ chiếu, vé máy bay, ăn uống, thuê phòng khách sạn… cho những người bị lừa sang Myanmar, do Kuai S1 chi trả và chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng của H, cứ 01 người đi sẽ chi khoảng 45.000 NDT (tương đương khoảng 160 triệu đồng), số tiền dư còn lại H được hưởng, nếu thiếu sẽ bù lại theo thực tế. Nghe vậy, H nảy sinh ý định tìm người quen đưa sang Myanmar chuyển giao cho ông Kuai S1 để hưởng lợi. Huyền nhập cảnh trái phép về Việt Nam. Khoảng đầu tháng 11/2022, H gọi điện, nhắn tin, gặp đưa ra thông tin gian dối lừa gạt để đưa 8 bị hại sang Myanmar và Lào giao cho Công ty do người Trung Quốc quản lý, ép buộc cưỡng bức họ sử dụng không gian mạng để lừa đảo.

Sau khi sang Myanmar và Lào, các bị hại và nhiều nạn nhân khác nhiều lần xin lại H hộ chiếu để cho về Việt Nam nhưng H không đưa hộ chiếu và yêu cầu các nạn nhân bồi thường mới cho về nước. Trong đó, gia đình bị hại H2, T2, H3, L, T4 mỗi gia đình chuyển 210.000.000 đồng/người; gia đình Huỳnh Phương N1 chuyển 50.000.000đ. Riêng đối với Võ Thị Minh T5 và Nguyễn Như P1, do gia đình có hoàn cảnh quá khó khăn, không có tiền chuộc, bản thân T5 bị bệnh, nên P1 và T5 bàn bạc, quan hệ để T5 có thai. Khi T5 có thai báo với Công ty cho về Việt Nam. Còn P1 ở lại tiếp tục làm việc đến ngày 25/01/2024 bị Cơ quan Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ phối hợp với Bộ C3 bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của bị cáo Vũ Thị Khánh H đã bị Toà án cấp sơ thẩm tuyên bố phạm tội *"Mua bán người"* theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 150 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo thì thấy. Đây là vụ án tội phạm có tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đưa ra các thông tin gian dối về việc làm để lôi kéo, dụ dỗ, lừa gạt 08 bị hại sang Myanmar và Lào để giao cho Công ty V2 do người Trung Quốc làm chủ, ép buộc họ làm việc trái ý muốn, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do, danh dự, nhân phẩm, sức khoẻ, tinh thần của các bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị và trật tự xã hội. Bị cáo phạm tội nhiều lần, chưa bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 1 (Mười bảy) năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không nhận tội. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị cáo, tự nguyện khai nhận hành vì phạm tội, nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt là có căn cứ.

[3] Đối với việc tổng hợp bản án. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 70/2025/HSST ngày 05/6/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt bị cáo Vũ Thị Khánh H 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Hiện bị cáo đang thi hành án theo quyết định số 158/2025 ngày 09/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện biên. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt Bản án số 70/2025/HSST ngày 05/6/2025 của

Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên đã có hiệu lực pháp luật với bản án mới. Buộc bị cáo phải chấp hành chung theo quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Vũ Thị Khánh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Khánh H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

1. Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm đ khoản 3 Điều 150; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Khánh H phạm tội *"Mua bán người"*.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Khánh H 16 **(**Mười sáu) năm tù.

2. Tổng hợp hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 70/2025/HSST ngày 05/6/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 31/01/2024 .

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Vũ Thị Khánh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN		**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Nguyễn Tấn Long	**Đặng Kim Nhân**	**Phạm Tồn**